



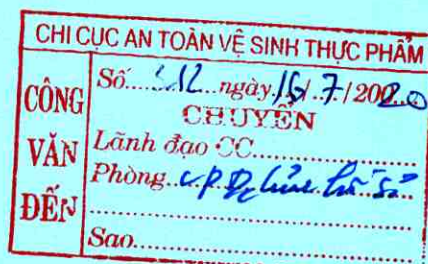
**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (84.4) 36840095 Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa
Hà Nội - Việt Nam
Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605

Website: www.apprintco.com
Email: info@apprintco.com



HỒ SƠ

TIÊU CHUẨN HỢP QUY

MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMPET/LLDPE

(FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING)

Hà Nội, Tháng 4 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (84.4) 36840095 Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa
Hà Nội - Việt Nam

Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605

Website: www.appprintco.com
Email: info@appprintco.com

HỒ SƠ

TIÊU CHUẨN HỢP QUY

MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMPET/LLDPE

(FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING)

Hà Nội, Tháng 4 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/BBAPP/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP
TẠI HƯNG YÊN.

Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221.3982136/7

Fax: 0221.3982135.

Email : info@appmail.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101508664-002

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: số 49/ 2017, Ngày Cấp : 20/6/2017 -
Nơi cấp : Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE (FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING).

2. Thành phần: màng nhựa BOPP đã in ghép với màng PE/VMPET/LLDPE.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: màng dạng cuộn, bao gói kín trong màng nilong, đặt trong thùng carton. Tem đóng gói ghi đầy đủ các thông tin Tên hàng, mã hàng, khối lượng tịnh, số lô sản xuất, ngày sản xuất, nhà cung cấp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm : Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì và In Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Thái

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên	Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Số TCCS 03: 2020
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP TẠI HƯNG YÊN	MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMPET/LLDPE (FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING)	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Màng mỏng.
- Màu sắc : Tùy theo yêu cầu khách hàng.
- Mùi : Đặc trưng của nhựa PP, PE

1.2. Các chỉ tiêu hóa học:

TT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn
1	Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)			ASTME 1252-98	Polyethylene
2	Hàm lượng Chì (Pb)		µg/g	QCVN 12- 1:2011/BYT	100
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)		µg/g		100
4	Hàm lượng kim loại nặng(thôi nhiễm trong Axit acetic 4%) sau 30 phút ở 60□		µg/ml		1
5	Hàm lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60□.		µg/ml		10
9	Cặn khô (Ngâm thôi nhiễm)	Heptan (25 ⁰ C;1 giờ)	µg/ml		30
		Ethanol 20% (60 ⁰ C;30')	µg/ml		30
		Nước (60 ⁰ C;30')	µg/ml		30
		Axit acetic 4% (60 ⁰ C;30')	µg/ml		30
10	Hàm lượng phthalate thôi nhiễm .	isooctanne sau 2 ngày ở 20□.	mg/kg	EN 13130-1 : 2004 GB31604.30- 2016	1,5

1.3 Các chỉ tiêu vi sinh :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị đo	Phương pháp thử	Kết quả
11	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/100cm ²	ISO 4833-1:2013	<1(**)

12	Tổng số nấm men,mốc.	CFU/100cm2	TCVN 8275-1:2010	<1(**)
13	E.coli	CFU/100cm2	TCVN 7924-2:2008	<1(**)
14	Coliforms	CFU/100cm2	TCVN 6848 :2007	<1(**)
15	Cl.perfringens	CFU/100cm2	TCVN 4991:2005	<1(**)
16	St.aureus	CFU/100cm2	TCVN 4830 -1:2005	<1(**)

2. Thành phần cấu tạo:

3. Màng BOPP (Biaxially Oriented Polypropylene) : màng bên ngoài.
4. Màng PE/VMPET (Polyethylene / Vacuum Metallized Polyethylene Terephalate) : màng không tiếp xúc với thực phẩm.
5. Màng LLDPE (Linear Low Density Polyethylene) : màng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm

6. Hướng dẫn sử dụng và quản quản:

- Màng dùng để chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm.
- 7. Sản phẩm phải được bảo quản ở nhiệt độ $\leq 40^{\circ}\text{C}$ và độ ẩm $\leq 85\%$ ở nơi sạch sẽ, thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời và nguồn nhiệt.

8. Quy cách bao gói:

- Sản phẩm bao bì nhựa phức hợp BOPP/PE/VMPET/LLDPE được bao gói bằng túi nilon và đựng trong thùng carton.

9. Quy trình sản xuất: (có Phụ Lục I kèm theo)

10. Nội dung ghi nhãn: địa chỉ, ngày sản xuất, trọng lượng tịnh, tên thương mại sản phẩm, lô sản xuất.

11. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

12. Xuất xứ: Việt Nam

13. Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên.
Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

14. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: Công ty Cổ phần Bao Bì và In Nông nghiệp. Địa chỉ: 72 Trường Chinh - Quận Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại: 0243.6840095 Fax: 0243.6840095,

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

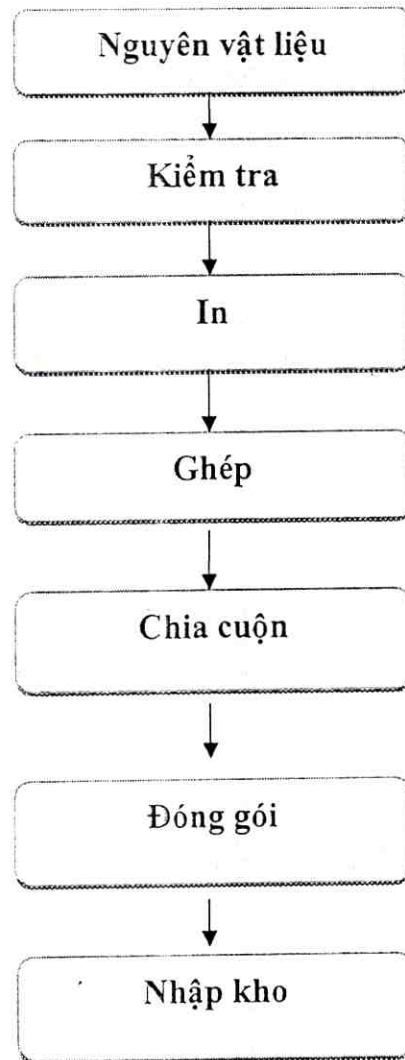


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hải

Phụ lục I

QUY TRÌNH SẢN XUẤT (màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE – FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING).



➤ *Quá trình in đa màu sắc:*

Nguyên liệu chính để in là màng BOPP. Màng in, mực in là nguyên liệu đầu tiên của quy trình sản xuất được cấp ở dưới dạng cuộn màng và thùng chứa mực, công đoạn này chủ yếu tạo ra Bán thành phẩm in.

Sử dụng phương pháp in trục ống đồng .

In ống đồng (Gravure printing): về nguyên lý đó là phương pháp in lõm, tức là trên khuôn in, hình ảnh hay chữ viết (gọi là phần tử in) được khắc lõm vào bề

mặt kim loại. Khi in sẽ có hai quá trình: Mực (dạng lỏng) được cấp lên bề mặt khuôn in, dĩ nhiên mực cũng tràn vào các chỗ lõm của phần tử in, sau đó một dụng cụ gọi là dao gạt (doctor blade) sẽ gạt mực thừa ra khỏi bề mặt khuôn in, và khi ép, in, mực trong các chỗ lõm dưới áp lực in sẽ truyền sang bề mặt vật liệu.

Máy in ống đồng được cấu tạo có nhiều trục in, có thể thay đổi thứ tự các màu sắc được in. Ngoài ra, sau mỗi khi in một loại màu, màng nhựa sẽ được sấy khô, sau đó làm nguội trước khi đến trục in màu tiếp theo.

➤ **Quá trình ghép:**

Sau quá trình in, màng in được ghép với màng PE/VMPET/LLDPE tạo thành sản phẩm là màng nhựa phức hợp.

- **Phương pháp ghép khô:**

Keo được sử dụng là keo polyme nhân tạo gốc nước, cồn, dung môi. Trong quá trình ghép, keo được tráng lên lớp vật liệu có tính thấm ít hơn, sau đó được ghép ngay lập tức với lớp thứ hai. Bộ phận ghép gồm một cặp lô, trong đó có một lô được mạ crôm và một lô cao su. Sau khi ghép, nước (hoặc cồn, dung môi) trong keo sẽ được bay hơi tại bộ phận sấy, Keo khô tạo độ kết dính cần thiết giữa hai lớp vật liệu.

➤ **Quá trình chia cuộn:**

Cuộn sau khi in và ghép tiến hành chia . Quá trình chia cuộn được thực hiện trên máy chia màng.

Đây chủ yếu là quá trình chia tách ra các sản phẩm đơn lẻ ở dạng cuộn nhỏ là sản phẩm cuối cùng hoặc để tạo túi. Công đoạn này không tác động đến sản phẩm bao bì về mặt kết cấu.

➤ **Quá trình đóng gói:**

Từ các cuộn đơn lẻ để tạo ra sản phẩm cuối cùng là túi, sau đó chuyển sang đóng gói. Công đoạn này không tác động đến sản phẩm bao bì về mặt kết cấu.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Châu

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Tên sản phẩm: màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE (FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING)

Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất và đóng gói tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp

Địa chỉ: số 72, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.6840095

Fax: 0243.6840095

Chỉ tiêu giám sát	Tần suất	Đơn vị kiểm tra chất lượng
<i>Các chỉ tiêu theo QCVN 12-1:2011/BYT</i> - Hàm lượng Cd (thử vật liệu) - Hàm lượng Pb (thử vật liệu) - Hàm lượng kim loại nặng: thôi nhiễm trong Axit acetic 4%. - Hàm lượng KMnO₄ sử dụng trong nước - Hàm lượng cặn khô: ngâm thôi nhiễm. 60°C, 30 phút, trong nước, 25°C, 60 phút, trong n-heptan, 60°C, 30 phút, trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, trong Etanol 20%. - Hàm lượng phthalate thôi nhiễm. - isooctanne sau 2 ngày ở 20°C. - Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/100cm² - Coliforms, CFU/100cm² - E.coli , CFU/100cm² - St.aureus , CFU/100cm² - Cl.perfringens, CFU/100cm² - Tổng số bào tử nấm men+ mốc, CFU/100cm².	01 lần/năm	Phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hải

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Số: 03 /2020/BC-APP

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

**Màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE (FILM TOONIES, O'STAR SMALL,
COM CHIP, SWING)**

I- CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ:

- Căn cứ kết quả thử mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận sự phù hợp của sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE.
- Việc đánh giá phù hợp của sản phẩm được thực hiện theo QCVN 12-1:2011/BYT.

II- PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ:

- Được đánh giá dựa vào kết quả thử nghiệm mẫu điển hình theo QCVN 12-1:2011/BYT và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận sự phù hợp.
- Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua sự kiểm soát và phân loại chất lượng nguyên liệu đầu vào của công ty, thử nghiệm mẫu điển hình đồng thời kết hợp đánh giá quá trình sản xuất.
- Địa điểm đánh giá: Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên. Địa chỉ: Đường C1, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

III- NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Lấy mẫu:

- Tiến hành lấy mẫu màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE được lấy mẫu ngẫu nhiên từ lô hàng. Đây là mẫu điển hình được lấy trong cùng một điều kiện, cùng chủng loại nguyên liệu và cùng ngày sản xuất.
- Mẫu sau khi lấy được chuyển đến đơn vị : Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Để thử nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE.

2. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

- Các hồ sơ liên quan đến quá trình sản xuất như : Quy trình sản xuất, công nghệ sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm, phương pháp thử đều được kiểm soát chặt chẽ.
- Các quá trình tạo thành phẩm đã được kiểm soát từ khâu đầu cho đến thành phẩm, thông qua quá trình kiểm soát tại các công đoạn sản xuất và thông qua kết quả thử nghiệm thành phẩm.
- Các nguyên liệu đều được kiểm tra, kiểm soát chất lượng trước khi đưa vào quá trình sản xuất.
- Các thiết bị máy móc được vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng hàng ngày trước khi vận hành.

- Các Công nhân, Nhân viên kỹ thuật trong công ty đều được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và khám sức khỏe định kỳ.

3. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

Trên cơ sở kết quả các chỉ tiêu kiểm nghiệm mẫu sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE. Đánh giá phù hợp như sau:

- Trên cơ sở kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu của sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE của doanh nghiệp phù hợp với quy định kỹ thuật trong QCVN 12-1:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (kèm theo kết quả kiểm nghiệm).

- Sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 12-1:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm có giá trị hiệu lực tối đa 3 năm với điều kiện sản phẩm, hàng hoá được giám sát tần suất 1 năm /lần.

4. Kết luận:



Sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.



Sản phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

Trên đây là báo cáo đánh giá hợp quy Chi nhánh Công ty cổ phần Bao bì và in Nông nghiệp tại Hưng Yên đối với sản phẩm màng nhựa BOPP/PE/VMPET/LLDPE.

. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung báo cáo trên.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Thái

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG						
Sản phẩm: MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMPET/LLDPE – FILM TOONIES, O’STAR SMALL, COM CHIP, SWING						
Các quá trình sản xuất	Kế hoạch kiểm soát chất lượng					
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy trình kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử	Phương pháp thử	Biểu mẫu ghi chép
Nguyên liệu đầu vào (màng, mực)	- Kích thước màng - Độ dày màng - Corona màng - Ngoại quan - Độ nhớt mực - Màu sắc	- Theo mẫu thỏa thuận	- 1 mẫu/lot	- Thước đo - Bút thử - Cốc đo	- Quan sát	- Phiếu kiểm tra nguyên liệu đầu vào
	- Nội dung - Màu sắc - Kích thước hình	- Theo mẫu phê duyệt của khách hàng	- Mỗi cuộn	- Bảng mắt	- Quan sát	- Báo cáo kiểm tra công đoạn in
Ghép	- Độ dày - Độ kết dính - Độ bền đường hàn	- Theo tiêu chuẩn của công ty	- Mỗi cuộn	- Thiết bị đo độ dày - Máy đo độ kết dính - Máy đo độ bền đường hàn	- Đo bằng máy	- Báo cáo kiểm tra công đoạn ghép
Chia cuộn	- Kích thước cuộn - Trọng lượng	- Theo yêu cầu của khách hàng	- Mỗi cuộn	- Thước đo - Cân trọng lượng	- Đo	- Báo cáo kiểm tra công đoạn chia cuộn
Thành phẩm	- Độ thấm thấu hơi nước - Độ kết dính - Độ bền đường hàn - Lượng KMnO ₄ sử dụng - Hàm lượng cặn khô. - Hàm lượng chì - Hàm lượng Cadmi - Kim loại nặng - Hàm lượng chất thôi nhiễm. - Các chỉ tiêu vi sinh vật.	- Theo tiêu chuẩn của công ty - Theo QCVN 12-1:2011/BYT	- Mỗi lô hàng - 01 lần/năm	- Máy đo độ thấm thấu hơi nước - Máy đo độ kết dính - Máy đo độ bền đường hàn - Gửi mẫu kiểm nghiệm.	- Đo bằng máy - Theo QCVN12-1:2011/BYT	- Báo cáo kiểm tra thành phẩm. - Phiếu kết quả thử nghiệm

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2020

 Giám đốc
 Nguyễn Thành Hải

KT3-00725AHD0/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/03/2020
Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : **MÀNG NHỰA BOPP/PE/VMPET/LLDPE**
(FILM TOONIES, O'STAR SMALL, COM CHIP, SWING)
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 04/04/ *see picture on page 04/04*)
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 21/02/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 24/02/2020 – 09/03/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**
TẠI HƯNG YÊN
Đường C1 - KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang tiếp theo
Refer to next page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

Ngày: 17-04-2020

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phan Thanh Trung

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3. / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written agreement by Qatest 3.*
3. N/A không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Qatest 3 at the below address for further information.*

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.qatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@qatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@qatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu/ require ment (*)
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Identification by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>		ASTM E 1252 - 98		Poly ethylene	
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	< 10,0 (x)	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

**Ghi chú/
Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/
Test results are valid for the namely submitted sample only.

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

(x) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*
KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit detection	Kết quả thử nghiệm Test result	Mức yêu cầu/ require ment (**)
7.7 Hàm lượng phthalate thôi nhiễm trong isooctane sau 2 ngày ở 20 °C <i>Phthalate migration in isooctane (v/v) after 2 days at 20 °C,</i> • Di(2-ethylhexyl)-phthalate (DEHP)	mg/kg	EN 13130- 1: 2004 GB 31604.30 - 2016	0,5	KPH/ND	≤ 1,5

Ghi chú/ Notice : (**) Theo/ According to COMMISSION REGULATION (EU) No 10/2011 of 14 January 2011 on plastic materials and articles intended to come into contact with food

KPH/ND : Không phát hiện/ Not detected

THỬ NGHIỆM VI SINH / MICROBIOLOGY TEST

Chuẩn bị mẫu/ Sample preparation : dùng bông gòn thấm 10 mL peptone 0,1 % , lau 2000 cm² bề mặt trong mẫu, cho bông gòn vào túi ni long tiệt trùng, bổ sung cho đủ 20 mL peptone 0,1 % , đồng nhất mẫu trong 5 phút. Sau đó, tiến hành phân tích các chỉ tiêu theo yêu cầu khách hàng/ Use a piece of absorption cotton moistened with 10 mL of 0,1 % peptone to swab surface of 2000 cm² sample. Put the swab into a sterile container, add 10 mL of 0,1 % peptone. Homogenise in 5 minutes, then use this fluid for analysis

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.8 Tổng số vi khuẩn hiếu khí, <i>Total bacteria count</i>	CFU/100 cm ²	ISO 4833-1: 2013	< 1 (**)
7.9 Tổng số nấm men, nấm mốc, <i>Total yeast, mould</i>	CFU/100 cm ²	TCVN 8275-1: 2010	< 1 (**)
7.10 <i>Escherichia coli</i>	CFU/100 cm ²	TCVN 7924-2: 2008	< 1 (**)
7.11 Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase, (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác)	CFU/100 cm ²	TCVN 4830-1: 2005	< 1 (**)
7.12 Coliforms,	CFU/100 cm ²	TCVN 6848: 2007	< 1 (**)
7.13 <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/100 cm ²	TCVN 4991 : 2005	< 1 (**)

Ghi chú/Notice: (**) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/100 cm² khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/100 cm² when the dish contains no colony.

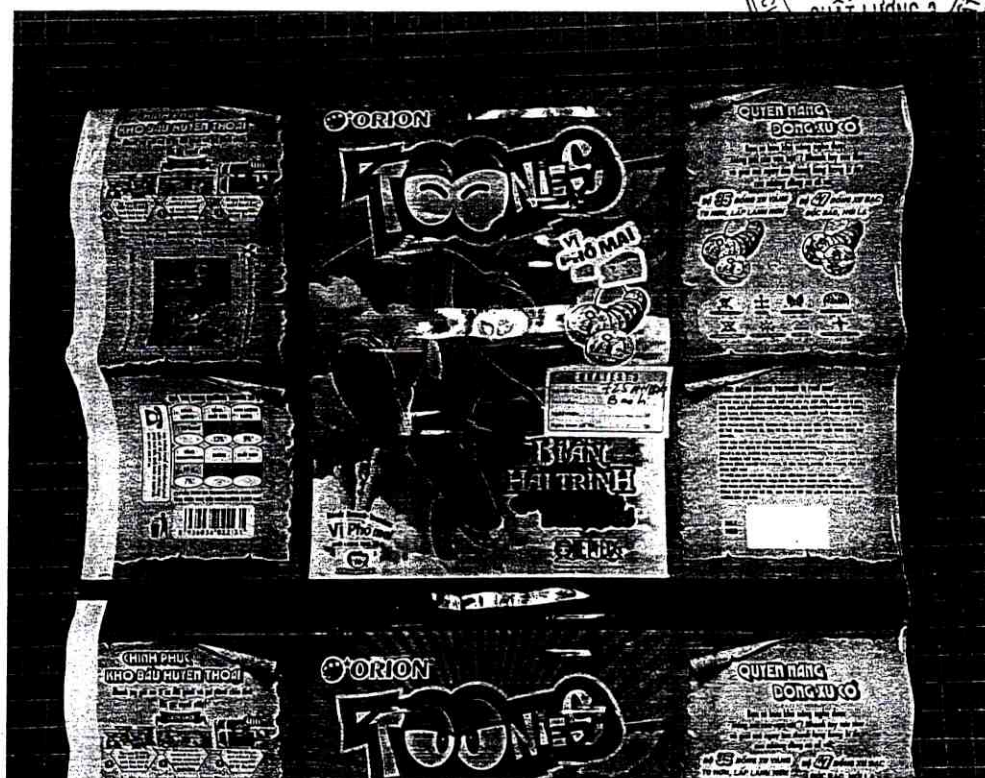
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



09/03/2020

Page 04/04



4/✓

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 11Z, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cai Lai 1Z, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3180

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-eskh@quatest3.com.vn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HUNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0101508664-002

Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 06 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 03 tháng 01 năm 2020

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP TẠI HUNG
YÊN

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: AGRICULTURE PRINTING AND
PACKING JOINT STOCK COMPANY, BRANCH HUNG YEN

Tên chi nhánh viết tắt: APPRINT JSC HUNG YEN

2. Địa chỉ:

*Đường C1, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng
Yên, Việt Nam*

Điện thoại: 02213 982 136

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN THÀNH THÁI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037089005150

Ngày cấp: 24/09/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự
xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 604, nhà D3, khu tập thể Bộ Nông nghiệp,
Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lô 12, C13, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp: 0101508664

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



**CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN VĂN TUYỀN**



Đoãn Thị Tâm